

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 4 năm
(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Loại giờ		Điều kiện tiên quyết
				Giờ LT	Giờ TH, thảo luận	
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		38			
1.1	Lý luận chính trị		12			
1	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	24	06	Không
2	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	09	ĐC001
3	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	06	ĐC001 ĐC002
4	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	36	09	ĐC001 ĐC002
5	ĐC005	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24	06	ĐC001 ĐC002 ĐC003
1.2	Khoa học xã hội - nhân văn		16			
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	36	09	Không
7	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	36	09	Không
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24	06	Không
9	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3	36	09	Không
10	ĐC010	Nghệ thuật học đại cương	2	24	06	Không
11	VNH001	Tiếng Việt thực hành	3	36	09	Không
1.3	Ngoại ngữ		7			
12	NN001	Tiếng Anh 1	4	48	12	Không
13	NN002	Tiếng Anh 2	3	36	09	NN001
1.4	Tin học		3			
14	ĐC012	Tin học đại cương	3	15	60	Không
1.5	Giáo dục thể chất		5			
15	GDTC	Giáo dục thể chất	5	0	150	Không
1.6	Giáo dục quốc phòng - an ninh		8			
16	GDQP	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	75	90	Không
2.	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		88			
2.1.	Kiến thức cơ sở		27			
17	MN001	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	3	36	09	ĐC009
18	MN002	Giáo dục học mầm non	5	60	15	ĐC009
19	MN003	Giáo dục hoà nhập	3	36	09	MN002
20	VNH002	Kỹ năng giao tiếp	3	15	60	ĐC009

21	MN004	Toán cơ sở	2	24	06	Không
22	MN005	Sinh lý học trẻ em	2	24	06	Không
23	MN006	Âm nhạc cơ bản	2	15	30	Không
24	MN007	Hát	2	0	30	MN006
25	MN008	Đàn Organ	2	0	30	MN006
26	MT001	Nghệ thuật tạo hình	3	15	60	Không
2.2. Kiến thức ngành			47			
a. Bắt buộc			45			
27	MN010	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	30	30	VNH001
28	MN011	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	30	MN010
29	MN012	Hướng dẫn kể chuyện cho trẻ mầm non	3	30	30	MN011
30	MN013	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	30	GDTC
31	MN014	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	30	30	MN004
32	MN015	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	30	30	MN002
33	MN016	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	30	30	MN009
34	MN017	Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ	3	30	30	MN015
35	MN018	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	30	30	MN006
36	MN019	Bệnh học trẻ em	3	36	09	MN005
37	MN020	Vệ sinh và dinh dưỡng học trẻ em	3	36	09	MN005
38	MN021	Múa và phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	4	30	60	MN006
39	MN022	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	1	0	30	MN002
40	MN023	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	1	0	30	MN021
41	MN024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	1	0	30	MN022
42	MN025	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	24	06	Không
43	MN026	Quản lý trường mầm non	3	36	09	Không
b. Tự chọn			2			
44	Chọn 1 trong các học phần sau:					
44.1	MN027	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2	24	06	MN002
44.2	MN028	Giáo dục trẻ tự kỉ	2	24	06	MN002
44.3	MN029	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	15	30	ĐC012
44.4	MT002	Cách vẽ người, vật đơn giản và vẽ màu	2	15	30	MT001
2.3. Kiến thức tập và báo cáo tốt nghiệp			14			
45	MN030	Kiến tập sư phạm	3	0	90	MN024
46	MN031	Thực tập sư phạm	4	0	120	MN030
47	MN032	Báo cáo tốt nghiệp	7	45	120	MN031
Tổng			126			

2. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã học	Tên học phần	Số TC	Học kỳ	Bộ
----	--------	--------------	-------	--------	----

	phần			1	2	3	4	5	6	7	8	môn QL
1.	Kiến thức giáo dục đại cương		38									
1	ĐC001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2								
2	ĐC002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		3							
3	ĐC003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2							2		
4	ĐC004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3			3						
5	ĐC005	Đường lối văn hóa văn nghệ của ĐCSVN	2						2			
6	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3		3							
7	ĐC007	Pháp luật đại cương	3	3								
8	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			2						
9	ĐC009	Tâm lý học đại cương	3		3							
10	ĐC010	Nghệ thuật học đại cương	2			2						
11	VNH001	Tiếng Việt thực hành	3	3								
12	NN001	Tiếng Anh 1	4	4								
13	NN002	Tiếng Anh 2	3		3							
14	ĐC012	Tin học đại cương	3	3								
15	GDTTC	Giáo dục thể chất	5		1	1	1	1	1			
16	GDQP	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8									
2.	Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp		88									
2.1.	Kiến thức cơ sở		27									
17	MN001	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	3			3						
18	MN002	Giáo dục học mầm non	5				5					
19	MN003	Giáo dục hoà nhập	3							3		
20	VNH002	Kỹ năng giao tiếp	3		3							
21	MN004	Toán cơ sở	2	2								
22	MN005	Sinh lý học trẻ em	2			2						
23	MN006	Âm nhạc cơ bản	2		2							
24	MN007	Hát	2			1	1					
25	MN008	Đàn Organ	2			1	1					
26	MN009	Nghệ thuật tạo hình	3				3					
2.2.	Kiến thức ngành		47									
a.	Bắt buộc		45									
27	MN010	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3			3						
28	MN011	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3				3					
29	MN012	Hướng dẫn kể chuyện cho trẻ mầm non	3					3				
30	MN013	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3					3				
31	MN014	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3				3					
32		Phương pháp cho trẻ khám phá môi	3					3				

	MN015	trường xung quanh										
33	MN016	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3					3				
34	MN017	Hướng dẫn làm đồ chơi cho trẻ	3						3			
35	MN018	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3						3			
36	MN019	Bệnh học trẻ em	3							3		
37	MN020	Vệ sinh và dinh dưỡng học trẻ em	3					3				
38	MN021	Múa và phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	4						4			
39	MN022	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	1				1					
40	MN023	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	1					1				
41	MN024	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	1						1			
42	MN025	Đánh giá trong giáo dục Mầm non	2							2		
43	MN026	Quản lý trường Mầm non	3							3		
b. Tự chọn			2									
44	Chọn 1 trong các học phần sau:											
44.1	MN027	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2							2		
44.2	MN028	Giáo dục trẻ tự kỉ	2							2		
44.3	MN029	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2							2		
44.4	MT002	Cách vẽ người, vật đơn giản và vẽ màu	2							2		
2.3. Kiến thức tập và báo cáo tốt nghiệp			14									
45	MN030	Kiến tập sư phạm	3						3			
46	MN031	Thực tập sư phạm	4								4	
47	MN032	Báo cáo tốt nghiệp	7								7	
Tổng (chưa kể GDTC và GD AN-QP)			126	17	17	17	17	16	16	15	11	